TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2019.
"V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông K'Bar

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2019 về: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1970 - có mặt

Địa chỉ: Thôn 9, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

2. ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1974 - vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 9, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông D chung sống với nhau từ năm 1995, do không hiểu biết nên không đăng ký kết hôn; việc chung sống với nhau là tự nguyện. Quá trình chung sống có thời gian hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây ông D thường xuyên cá

độ bóng đá dẫn đến nợ nần, bà phải bán đi một phần tài sản để trả nợ cho ông D, nhưng ông D vẫn không thay đổi, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Do vậy, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể kéo dài nên bà đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông D là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung; 02 con đầu là Nguyễn Thanh P, sinh năm 1996 và Nguyễn Phong C, sinh ngày 16/8/1999 đều trên 18 tuổi, đã đi làm, có thu nhập nên bà không yêu cầu; còn con út là Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 20/7/2003, hiện đang đi học nên bà đề nghị được nuôi và không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Đã tự chia nên không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Thế D trình bày: Ông và bà H sống chung với nhau từ năm 1995 không có đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng có lúc mâu thuẫn, ông cũng có thời gian chơi bời, cá độ bóng đá dẫn đến nợ, nhưng ông đã bán phần đất ông được chia và đã trả hết nợ. Hiện tại, ông và bà H đã không ở chung nhà được hơn một năm, nay ông đã biết lỗi đề nghị Tòa án hòa giải để ông và bà H vẫn được chung nhà. Đối với yêu cầu đề nghị không công nhận vợ chồng của bà H, ông không đồng ý. Về con chung ông thừa nhận có 03 con chung, cháu P và cháu C đã trưởng thành nên không đề cập, còn cháu T ông đồng ý giao cho bà H nuôi và bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Tòa án không xem xét. Về tài sản chung đã tự chia, về nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, không công nhận bà H và ông D là vợ chồng; giao con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 20/7/2003 cho bà H nuôi; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thế D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp *"Không công nhận quan hệ vợ chồng";* bị đơn ông D có nơi cư trú tại xã Q, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong

theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D chung sống với nhau từ năm 1995, việc chung sống với nhau là tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Bà H và ông D đều xác định quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, hai người đã không ở chung nhà hơn 01 năm. Về phía ông D có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà H và không đồng ý với yêu cầu của bà H. Tuy nhiên, bà H vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa bà và ông D. Do bà H và ông D chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, hiện tại quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 14 và 53 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông D.

[2.2]. Về con chung: Bà H và ông D cùng thừa nhận có 03 con chung; cháu Nguyễn Thanh P, sinh năm 1996 và Nguyễn Phong C, sinh năm 1999 đều trên 18 tuổi, đã đi làm có thu nhập nên không xem xét; còn cháu Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 20/7/2003 hiện đang đi học, bà H và ông D cùng thống nhất giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; thỏa thuận này của bà H và ông D cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thế D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 20/7/2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003990 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Hồng Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**